

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2020.

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết Sơn.
2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 1, ấp Hội Th, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 1, ấp Hội Th, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-5-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 10-11-2003 tại Ủy ban Nhân dân xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện.

Nguyên nhân anh xin ly hôn với chị N là do trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến cự cãi, gây gổ

với nhau. Anh và chị N đã sống ly thân khoảng 04 năm. Nay tình cảm, hạnh phúc vợ, chồng không còn nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 03 cháu tên Trần Trí T1, sinh ngày 12-10-2000, Trần Minh T2, sinh ngày 02-6-2002 và Trần Tấn P, sinh ngày 18-12-2010. Nay cháu T1 và cháu T2 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị N nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn T đối với chị Nguyễn Thị N; về con chung: Giao cháu Trần Tấn P, sinh ngày 18-12-2010 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận anh T tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, đối với 02 cháu Trần Trí T1, sinh ngày 12-10-2000 và Trần Minh T2, sinh ngày 02-6-2002 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị N chung sống vợ, chồng từ năm 2000, đăng ký kết hôn vào ngày 10-11-2003 tại Ủy ban Nhân dân xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, trong quá trình chung sống vợ, chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống và làm ăn thất bại nên phát sinh mâu thuẫn cự cãi, gây gổ với nhau; anh T và chị N đã sống ly thân khoảng 03, 04 năm nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau (BL số 08, 16). Xét tình cảm vợ, chồng giữa anh T và chị N không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị N, cho anh T được ly hôn với chị N.

[3] Về con chung: Anh T khai có 03 con chung tên Trần Trí T1, sinh ngày 12-10-2000, Trần Minh T2, sinh ngày 02-6-2002 và Trần Tấn P, sinh ngày 18-12-2010. Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay chị N đã bỏ địa phương đi đâu không rõ và cháu P có nguyện vọng được sống với anh T, do đó giao cháu P cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng cháu P của anh T. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Đối với 02 cháu T1 và cháu T2 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn T đối với chị Nguyễn Thị N. Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tấn P, sinh ngày 18-12-2010 **cho** anh Trần Văn T **trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục**. Ghi nhận anh Trần Văn T tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị N **có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở**. Đối với 02 cháu Trần Trí T1, sinh ngày 12-10-2000 và Trần Minh T2, sinh ngày 02-6-

2002 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000592, ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Đức Dũng